

Số: 02/2026/QĐST-KDTM

Ninh Bình, ngày 16 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST - KDTM, ngày 16 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (tên viết tắt: B1). Địa chỉ: T, số A T, phường H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N1. Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Đinh Trần Thanh X - Chuyên viên Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ (Theo văn bản uỷ quyền số 1772d/QĐ - B1.NB ngày 03/11/2025).

***Bị đơn:** Công ty TNHH Đ1. Địa chỉ: số nhà G, thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình (Nay là: thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình); Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh L - Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm: 1986 và bà Ngụy Thị M, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn Y, phường T, tỉnh Ninh Bình (Nay là: tổ dân phố M, phường T, tỉnh Ninh Bình). Bà M uỷ quyền cho ông L tham gia tố tụng (Theo giấy uỷ quyền ngày 16/12/2025)

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1962; và bà Phạm Thị T2, sinh năm: 1963; Địa chỉ: thôn Y, phường T, tỉnh Ninh Bình (Nay là: tổ dân phố M, phường

T, tỉnh Ninh Bình). Ông B và bà T2 ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng. (Theo giấy uỷ quyền ngày 18/12/2025).

- Ông Bùi Cao N, sinh năm: 1988 và bà Triệu Thị Hương G, sinh năm: 1990; Địa chỉ: thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình (Nay là thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình). Hiện nay ông Bùi Cao N đang chấp hành án tại phân Trại 1, Trại giam N2 - Cục C, Bộ C1. Ông N ủy quyền cho bà G tham gia tố tụng. (Theo giấy uỷ quyền ngày 02/07/2026).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến hết ngày 08/7/2026 Công ty TNHH Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (B1) tổng số tiền là: 39.696.406.311 đồng (Ba mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, ba trăm mười một đồng); trong đó: nợ gốc: 28.598.801.019 đồng, nợ lãi và lãi quá hạn: 10.156.594.054 đồng, nợ lãi chậm trả: 941.011.238 đồng; chi tiết các Hợp đồng tín dụng cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/10449842/HĐTD ngày 09/09/2022 gồm có:

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.12/2022/10449842/HĐTD ngày 17/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.13/2022/10449842/HĐTD ngày 21/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.14/2022/10449842/HĐTD ngày 23/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.15/2022/10449842/HĐTD ngày 24/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.16/2022/10449842/HĐTD ngày 28/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.17/2022/10449842/HĐTD ngày 29/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.18/2022/10449842/HĐTD ngày 31/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.19/2022/10449842/HĐTD ngày 31/3/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.20/2022/10449842/HĐTD ngày 14/4/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.23/2022/10449842/HĐTD ngày 06/9/2023

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.24/2022/10449842/HĐTD ngày 07/9/2023

2.2. Về trách nhiệm trả nợ: Công ty TNHH Đ1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B1) tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 08/7/2026 là: 39.696.406.311 đồng (Ba mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, ba trăm mười một đồng); trong đó: nợ gốc: 28.598.801.019 đồng, nợ lãi và lãi quá hạn: 10.156.594.054 đồng, nợ lãi chậm trả: 941.011.238 đồng và tiền lãi, chi phí khác phát sinh kể từ ngày 09/7/2026 theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ (B1) cho đến khi Công ty TNHH Đ1 thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ đối với Ngân hàng TMCP Đ (B1).

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH Đ1 không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Đ (B1) được quyền xử lý các tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi hợp đồng thế chấp cụ thể: Hợp đồng thế chấp tài sản số 40203/19/10449842/HĐBĐ

ngày 31/10/2019 giữa Công ty TNHH Đ1 và B1; Hợp đồng thế chấp tài sản số 40204/19/10449842/HĐBĐ ngày 31/10/2019 giữa Công ty TNHH Đ1 và B1; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40327/20/10449842/HĐBĐ ngày 09/11/2020 giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Phạm Thị T2 với B1; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40321/21/10449842/HĐBĐ ngày 15/10/2021 giữa bà Triệu Thị Hương G và ông Bùi Cao N với B1; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40338/21/10449842/HĐBĐ ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Mạnh L và bà Ngụy Thị M Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40317/21/10449842/HĐBĐ ngày 30/8/2021 giữa ông Nguyễn Mạnh L và bà Ngụy Thị M với B1 để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì Công ty TNHH Đ1 có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để trả nợ cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đ (B1), theo các hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (B1) số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) .

- Công ty TNHH Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 73.848.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ (B1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 71.500.000 đồng (*Bảy mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001683 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 3 - Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Vũ Quang Chung.**